

Đơn vị: Văn phòng Sở Y tế
Mã số QHNS: 1072082

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Chi hành chính nhà nước		
1	Dự toán được giao	10.205.886.505	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.800.098.005	
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	4.800.098.005	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.405.788.500	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 - 10502	32.453.420	
-	Trang phục thanh tra	1.284.400	
-	Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025	195.200.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	181.000	
-	Thay thế thiết bị tường lửa, duy trì bản quyền phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu	308.000.000	
-	Mua sắm máy tính phục vụ cơ quan	150.000.000	
-	Sửa chữa ô tô, mua sắm ô tô	264.880.000	
-	Sửa chữa nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ	2.500.000.000	
-	Quỹ tiền thưởng	450.239.680	
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo NĐ 178/2024/NĐ-CP	1.503.550.000	
2	Dự toán bị khấu trừ	493.000.000	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	493.000.000	
3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN	9.712.886.505	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.669.098.005	
-	Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên; Kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ	4.669.098.005	
+	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	4.669.098.005	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.043.788.500	
-	Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 - 10502	32.453.420	
-	Trang phục thanh tra	1.284.400	
-	Hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025	157.200.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	181.000	
-	Thay thế thiết bị tường lửa, duy trì bản quyền phần mềm bảo mật cho máy chủ, phần mềm sao lưu	277.000.000	
-	Mua sắm máy tính phục vụ cơ quan	135.000.000	
-	Sửa chữa ô tô, mua sắm ô tô	236.880.000	
-	Sửa chữa nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ	2.250.000.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
-	Quỹ tiền thưởng	450.239.680	
-	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo ND 178/2024/NĐ-CP	1.503.550.000	
II	Chi sự nghiệp kinh tế		
1	Dự toán được giao	808.458.300	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	808.458.300	
-	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm HC	204.458.300	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	604.000.000	
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương)</i>	604.000.000	
2	Dự toán bị khấu trừ	21.000.000	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	21.000.000	
b	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	-	
3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN	787.458.300	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	787.458.300	
	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm HC	183.458.300	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	604.000.000	
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517</i>	604.000.000	
III	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
1	Dự toán được giao	21.967.651.132	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	21.967.651.132	
a	KP thực hiện tự chủ tài chính		
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	21.967.651.132	
-	Mua sắm, sửa chữa ngành y tế	727.000.000	
+	Kinh phí chuyển đổi số	727.000.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	10.951.051.132	
+	Kinh phí tinh giản biên chế	2.390.479.000	
+	SN ngành y tế (đã bao gồm chi cho công tác thu phí)	1.740.237.412	
+	Tổ chức chào mừng 70 năm ngày Thầy thuốc VN (27/02/1955-27/02/2025	144.135.320	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	6.676.199.400	
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương) - 20517</i>	421.000.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn TW) - 10517</i>	6.255.199.400	
-	Các chế độ, chính sách ngành y tế	10.289.600.000	
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	10.289.600.000	
2	Dự toán bị khấu trừ	409.000.000	
a	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	409.000.000	
3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN	21.558.651.132	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	
b	KP không thực hiện tự chủ tài chính	21.558.651.132	
-	Mua sắm, sửa chữa ngành y tế	654.000.000	
+	Kinh phí chuyển đổi số	654.000.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn ngành	10.615.051.132	
+	Kinh phí tinh giản biên chế	2.390.479.000	
+	SN ngành y tế (đã bao gồm chi cho công tác thu phí)	1.440.237.412	
+	Tổ chức chào mừng 70 năm ngày Thầy thuốc VN (27/02/1955-27/02/2025	108.135.320	
+	Phân bổ vốn sự nghiệp CTMT quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	6.676.199.400	
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn địa phương)</i>	421.000.000	
	<i>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Nguồn TW)</i>	6.255.199.400	
-	Các chế độ, chính sách ngành y tế	10.289.600.000	
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030	10.289.600.000	
IV	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin		
V	Chi bảo đảm xã hội		
1	Dự toán được giao	593.673.500	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	593.673.500	
-	Chi nghiệp vụ	593.673.500	
+	Phòng chống tệ nạn xã hội	121.000.000	
+	Kinh phí hoạt động cho công tác người cao tuổi	143.773.500	
+	Phòng chống tai nạn thương tích	48.000.000	
+	Chương trình hành động quốc gia vì TE	117.900.000	
+	Duy trì hoạt động của văn phòng tư vấn TE cấp huyện tại Mang Yang và Chư Sê	14.000.000	
+	Phòng ngừa giảm thiểu LĐ trẻ em	72.000.000	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ghi chú
+	Thực hiện đề án vận động nguồn lực xã hội TE tại các xã ĐBKK và MN	27.000.000	
+	Chi bảo đảm xã hội khác	50.000.000	
2	Dự toán bị khấu trừ	-	
3	Dự toán đơn vị được rút tại KBNN	593.673.500	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	593.673.500	
-	Chi nghiệp vụ	593.673.500	
+	Phòng chống tệ nạn xã hội	121.000.000	
+	Kinh phí hoạt động cho công tác người cao tuổi	143.773.500	
+	Phòng chống tai nạn thương tích	48.000.000	
+	Chương trình hành động quốc gia vì TE	117.900.000	
+	Duy trì hoạt động của văn phòng tư vấn TE cấp huyện tại Mang Yang và Chư Sê	14.000.000	
+	Phòng ngừa giảm thiểu LĐ trẻ em	72.000.000	
+	Thực hiện đề án vận động nguồn lực xã hội TE tại các xã ĐBKK và MN	27.000.000	
+	Chi bảo đảm xã hội khác	50.000.000	